TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **146**/2022/HNGĐ - ST Ngày: 26 - 7- 2022 V/v Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiểu

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa*: *Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 102/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/5/2022 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

ĐKHK: Thôn Q, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

ĐKHK: Thôn Q, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà154/8 tổ 8, khu phố TP, phường TB, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 3 tháng. Đăng ký kết hôn ngày 19/7/2017 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng. Đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng sau đó được 2 bên gia đình dàn xếp hòa giải vợ chồng hòa hợp trở lại đoàn

tụ quay về chung sống hạnh phúc. Đến ngày 21/7/2021 thì lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm đươc tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã phân tích khuyên giải nhưng vợ chồng không thể hòa hợp được. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/7/2021đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, anh Phan Văn C trình bầy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình chồng tại xã Y, huyện Yên Đinh, tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2018 thì chuyển vào địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương sinh sống và làm ăn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do công việc của hai vợ chồng có thời gian làm việc khác nhau nên ít dành thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân không có sự gặp gỡ, chăm sóc nhau, chỉ liên hệ qua điện thoại. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc anh không còn tình cảm với chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh C vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu càu của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Phan Văn C. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh C là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T làm đơn xin ly hôn.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh C sống ly thân hơn từ tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về phía anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị T và anh C chưa có con chung, nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản và công nợ chung: Chị T, anh C trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Phan Văn C.

Về con chung: Hai bên chưa có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Hai bên không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003465 ngày 18/5/2022. Chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh C vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Y.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng